TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2025
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Minh Thông.

2. Ông Trần Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – A tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị Xuân Đ**, sinh ngày 05/02/1989.Địa chỉ: Số 140, tổ 18, Mạc Thiên Tích, ấp Cư Xá, xã Kiên Lương, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn P**, sinh ngày 08/9/1981. Địa chỉ: Số 140, tổ 18, Mạc Thiên Tích, ấp Cư Xá, xã Kiên Lương, tỉnh A.

(Chị Đ có mặt, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lâm Thị Xuân Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Đ và anh Trương Văn P chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Kiên Lương, tỉnh A) theo giấy chứng nhận kết hôn số 239 ngày 05/12/2016. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hay cãi vả, cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ và anh P đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Trương Ngọc Trà M, sinh ngày 03/4/2010, giới tính nữ;

2. Trương Ngọc P, sinh ngày 28/11/2016, giới tính nam.

Hiện các con đang chung sống với chị Đ. Xin được nhận nuôi cháu Trương Ngọc Trà M, sinh ngày 03/4/2010, giới tính nữ và Trương Ngọc P, sinh ngày 28/11/2016, giới tính nam đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn anh Trương Văn P trình bày:

Vợ chồng anh P, chị Đ chung sống với nhau vào năm 2008, được sự đồng ý của gia đình và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Kiên Lương, tỉnh A). Hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay sung khắc, cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Vợ chồng đã không chung sống với nhau hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Vì vậy anh P đồng ý ly hôn với vợ là Lâm Thị Xuân Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên:

1. Trương Ngọc Trà M, sinh ngày 03/4/2010, giới tính nữ.

2. Trương Ngọc P, sinh ngày 28/11/2016, giới tính nam.

Hiện các con đang sống với vợ là Lâm Thị Xuân Đ. Anh P đồng ý giao 02 con chung cho vợ là Lâm Thị Xuân Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bị đơn anh Trương Văn P, có nơi cư trú tại: Số 140, tổ 18, Mạc Thiên Tích, ấp Cư Xá, xã Kiên Lương, tỉnh A. Căn

cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – A. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trương Văn P có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Xuân Đ và anh Trương Văn P chung sống có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Kiên Lương, tỉnh A) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Trương Văn P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải động viên giữa chị Đ, anh P. Xét thấy chị Đ có yêu cầu ly hôn, tại bản tự khai anh P thống nhất với lời trình bày của chị Đ và cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy xét nên cho chị Đ ly hôn với anh P.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Trà M, sinh ngày 03/4/2010, giới tính nữ và Trương Ngọc P, sinh ngày 28/11/2016, giới tính nam. Chị Đ xin nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng và anh P đồng ý, ý kiến của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do chị Đ có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì caùc leõ treân,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lâm Thị Xuân Đ được ly hôn với anh Trương Văn P.

- Về con chung: Giao 02 cháu Trương Ngọc Trà M và Trương Ngọc P cho chị Đ nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Đ không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị Xuân Đ phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0002789 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A, nên chị Đ không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- VKSND khu vực 8 – A;
- Phòng THADS khu vực 8 – A;
- UBND xã Kiên Lương – A;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho